

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHIÊM HÓA
TỈNH TUYÊN QUANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2022/HNGĐ-ST

Ngày 21/6/2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HÓA, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Mạnh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Hằng.

2. Ông Ma Văn Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 21 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 49/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đỗ Ngọc A, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Công Đ, huyện Yên S, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Tạ Thị T, sinh năm 1981.

Nơi ĐKKHKT: Thôn Đồng H, xã Phúc T, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang; tạm trú: Thôn Đại Đ, xã Ngọc H, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn anh Đỗ Ngọc A trình bày: Anh và chị Tạ Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 27/6/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Công Đ, huyện Yên S, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, thường xuyên

cãi nhau dẫn đến xô xát, cuộc sống gia đình diễn ra rất nặng nề. Anh chị đã cố gắng chịu đựng để giữ gìn hạnh phúc gia đình nhưng vợ chồng không hòa thuận được. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình, bạn bè khuyên bảo nhưng vợ chồng không thể chung sống được nên anh chị đã sống ly thân từ năm 2020. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Tạ Thị T.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là Đỗ Huy T, sinh ngày 23/10/2020. Khi ly hôn, anh nhất trí để chị Tạ Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, anh cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.500.000 đồng.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai bị đơn chị Tạ Thị T trình bày: Chị và anh Đỗ Ngọc A kết hôn năm 2016, đăng ký kết hôn tại UBND xã Công Đ, huyện Yên S, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết vợ chồng chung sống tại tổ dân phố Vĩnh Sơn, thị trấn Vĩnh L, huyện Chiêm H. Trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn về kinh tế, về cuộc sống không hợp nhau và bắt đầu sống ly thân từ tháng 02 năm 2020. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị nhất trí ly hôn với anh Đỗ Ngọc A.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Đỗ Huy T, sinh ngày 23/10/2020, hiện nay đang ở với chị. Khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, yêu cầu anh Đỗ Ngọc A cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị xác định không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Nhưng các đương sự đều đề nghị không hòa giải và đề nghị Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt. Do vậy Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng.

Anh Đỗ Ngọc A khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang giải quyết cho anh ly hôn với chị Tạ Thị T có hộ khẩu thường trú tại thôn Đồng H, xã Phúc T, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang; tạm trú: Thôn Đại Đ, xã Ngọc H, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Ngày 08/3/2022 Tòa án thụ lý vụ án, sau đó đã tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho nguyên đơn và bị đơn. Các đương sự đều đề nghị không hòa giải và đều có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Ngọc A và chị Tạ Thị T tìm hiểu và kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 27/6/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Công Đ, huyện Yên S, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về kinh tế, quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau dẫn đến xô xát. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình, bạn bè khuyên bảo nhưng vợ chồng không hòa thuận được. Xét quan hệ hôn nhân giữa anh A và chị T không còn khả năng hàn gắn, không chung sống được với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, thực tế anh A và chị T đã sống ly thân từ tháng 02/2020 đến nay, anh A và chị T đều đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh A, xử cho anh A và chị T được ly hôn.

- Về con chung: Anh Đỗ Ngọc A và chị Tạ Thị T có 01 con chung là Đỗ Huy T, sinh ngày 23/10/2020. Chị T đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.500.000 đồng; anh Đỗ Ngọc A có ý kiến nhất trí để chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh A cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000 đồng/tháng. Xét thấy hiện nay cháu T chung đang sống cùng chị T, chị T đủ điều kiện để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, nên Hội đồng xét xử giao cháu Tuyên cho chị T trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; anh A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.500.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng thực hiện định kỳ hàng tháng. Anh A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh Đỗ Ngọc A và chị Tạ Thị T đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Anh Đỗ Ngọc A phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm theo quy định tại các Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Căn cứ vào:* Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ vào Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. *Tuyên xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Ngọc A.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Đỗ Ngọc A được ly hôn với chị Tạ Thị T.

- Về con chung: Giao con chung là Đỗ Huy T, sinh ngày 23/10/2020 cho chị Tạ Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Đỗ Ngọc A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng), thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp luật có quy định khác.

- Về án phí: Anh Đỗ Ngọc A phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) và tiền án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), tổng cộng là 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm anh A đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2021/0003675 ngày 08/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Anh A còn phải nộp thêm số tiền là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Chị Tạ Thị T không phải nộp án phí.

- Về quyền kháng cáo: Anh Đỗ Ngọc A và chị Tạ Thị T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười năm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã Công Đa, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Chiêm Hóa (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Chiêm Hóa;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Mạnh Tuấn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Quốc Văn Tài

Triệu Thị Yên

Đào Thị Bích Ngọc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bích Hằng - Bùi Mạnh Hùng

Phạm Thị Thùy Trâm

